TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/ 2019/ HNGĐ - ST
Ngày : 28 / 6/ 2019.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Nhật Trung**.**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Chiến bà Phạm Thị Mai.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09 /2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T - Sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Tổ 28A, khu phố Thắng L, phường Tân P, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Anh Lê Văn D - Sinh năm: 1985.

Sinh quán: Xã Quảng N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi làm việc: Công ty TNHH sản xuất giầy Chung Jye Ninh Bình Việt Nam.

Địa chỉ: Xóm 10, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt anh Lê Văn D còn vắng mặt chị Lê Thị T (chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng các văn bản khác nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Lê Văn D kết hôn vào ngày 19/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định của pháp luật. Chị và anh D kết hôn trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, không có sự ép buộc, lừa dối

gì. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, chăm lo gia đình và con cái, đến năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống mỗi người một khác, không hợp nhau, không có điểm chung trong cuộc sống. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại để giải quyết sự mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung của vợ chồng không thể nào duy trì thêm được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn D.

Về con: Chị xác định vợ chồng cho đến nay có một con chung là cháu Lê Thị Phương Th, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2011, hiện nay cháu Th đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Nay ly hôn chị T yêu cầu Tòa án giao cháu Lê Thị Phương Th cho chị được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục và chị yêu cầu anh Lê Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Th hàng tháng với mức là 2.000.000 đồng, kể từ ngày chị nộp đơn khởi kiện (ngày 20/5/2018) cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống.

Về tài sản: Chị và anh D tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung, do vậy nay ly hôn chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn Anh Lê Văn D trình bày: Anh và chị T sau thời gian tự do tìm hiểu gần một năm thì kết hôn vào ngày 19/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Sau đó vợ chồng chuyển vào huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước để làm ăn sinh sống, cho đến năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường phát sinh bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống vợ chồng căng thẳng, không có hạnh phúc nên anh đã chuyển ra bắc và vào làm việc tại Công ty giày Chung Jye Ninh Bình đóng tại xã Khánh N, huyện Yên Khánh, kể từ tháng 3 năm 2018 và vợ chồng sống ly thân kể từ đó cho tới nay. Trong thời gian sống ly thân anh và chị T không còn liên lạc với nhau nữa, nay anh xác định tình cảm giữa anh và chị T không còn, vợ chồng không thể về đoàn tụ được nên anh nhất chí ly hôn cùng với chị T.

Về con: Anh và chị T cho đến nay có một con chung tên cháu là Lê Thị Phương Th, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2011, hiện nay cháu Th đang do chị T nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh nhận thấy cháu Th đang có cuộc sống và nơi học tập ổn định, do vậy anh nhất chí giao cháu Lê Thị Phương Th cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không nhất chí với mức cấp dưỡng hàng tháng là 2.000.000 đồng vì hiện tại anh đang làm công nhân thu nhập thấp lại đang phải thuê nhà để sinh sống, nên anh nhận trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu Th cho chị T mỗi tháng là 700.000 đồng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Về con riêng anh và chị T không ai có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh D nhất chí về tài sản chung để anh và chị T tự thỏa thuận giải quyết, do vậy nay ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm: Về thủ tục: Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Chị Lê Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị T, xử cho ly hôn với anh Lê Văn D. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Phương Th, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2011 cho chị Lê Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Về nghĩa vụ cấp dưỡng trong quá trình giải quyết vụ án chị T có đơn không yêu cầu anh Lê Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị vì chị có đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng cháu, do vậy về nghĩa vụ cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Căn cứ Quyết định chuyển vụ án số 03/2018/QĐST-HN&GĐ, ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước chuyển cho Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình để giải quyết vụ án theo thẩm quyền, được quy định tại Điều 39, khoản 1 Điều 41 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa chị Lê Thị T vắng mặt vì lý do chị có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] **Về quan hệ hôn nhân**: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn D đã có thời gian tự do tìm hiểu nhau một năm, sau đó mới kết hôn, anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng N, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị chuyển vào huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước, để làm ăn sinh sống, anh chị chung sống hạnh phúc được sáu năm thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, do đó đến tháng 3 năm 2018 anh D đã bỏ về Bắc và vào làm công nhân tại Công ty TNHH sản xuất giầy Chung Jye Ninh Bình Việt Nam. Có trụ sở đóng tại xóm 10, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình và vợ chồng sống ly thân nhau kể từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa chị T và anh D không còn quan tâm đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa anh Lê Văn D cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên anh nhất trí ly hôn cùng với chị Lê Thị T. Hội đồng xét xử nhận thấy việc chị T và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T xử cho ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con: Chị T và anh D cho đến nay có một con chung là cháu Lê Thị Phương Th, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2011, hiện đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị T xin được tiếp tục nuôi dưỡng và cháu Th cũng có nguyện vọng được ở cùng với chị T, nay anh D cũng nhất trí giao cháu Th cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T về con. Vì vậy giao cháu Lê Thị Phương Th cho chị T được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng trong quá trình giải quyết chị T yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Th hàng tháng cho chị với mức là 2.000.000 đồng, song trong quá trình giải quyết vụ án chị T có đơn thay đổi không yêu cầu việc anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Th là tự nguyện, nên về nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh D không đặt ra. Về con riêng chị T và anh D không có và không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản: Trong quá trình Tòa án giải quyết thì chị Lê Thị T và anh Lê Văn D đều xác định để tự thỏa thuận giải quyết về tài sản, do vậy nay ly hôn chị T và anh D đều không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị T là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57, 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/BUTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị T về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn " đối với anh Lê Văn D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Văn D.

- Về con: Giao cháu Lê Thị Phương Th, sinh ngày 21 tháng 6 năm 2011 cho chị Lê Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Lê Văn D không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối

với cháu Lê Thị Phương Th và anh D có quyền đi lại thăm non con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn D đều xác định để tự thỏa thuận giải quyết về tài sản, do vậy nay ly hôn chị T và anh D không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung quỹ Nhà nước. Được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số BB/2012/0024706 ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

Án xử công khai sơ thẩm bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Binh.
- VKSND huyện Yên Khánh.
- Chi cục THA DS huyện Yên Khánh .
- UBND xã Quảng N, huyện Quảng Xương.
- Các đương sư.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Nhật Trung